ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG PHƯỚC LONG** **TRƯỜNG THCS PHƯỚC BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 220 /QĐ-THCSPB	*TP Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9. năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh sách hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS PHƯỚC BÌNH

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 17045/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Thủ Đức về việc giao dự toán ngân sách năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2025 của UBND Phường Phước Long về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025;

Theo đề nghị của bộ phận tài vụ Trường THCS Phước Bình về việc phê duyệt danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh tại các trường công lập năm học 2024-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách hỗ trợ chi phí học tập 9 tháng(từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 5 năm 2025) năm học *2024-2025*, cụ thể:

1. Thời gian hỗ trợ:

- Từ tháng 09 năm 2024 đến tháng 05 năm 2025.

2. Mức hỗ trợ chi phí học tập :

- Đối với học sinh hộ nghèo và diện mồ côi được hổ trợ 150.000đ/tháng.

- Đối với học sinh khuyết tật được hổ trợ 150.000đ/tháng.

3. Tổng số tiền hổ trợ chi phí học tập năm học 2024-2025:49.200.000 *đồng.*
(Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu, hai trăm ngàn đồng chẵn)

(Theo danh sách đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ, bộ phận văn phòng, các đối tượng có liên quan và học sinh theo danh sách được duyệt tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

THÁI VÂN TRANG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THCS PHƯỚC BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Thủ Đức, ngày ..... tháng ..... năm 2025

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP CHO HỌC SINH
THUỘC DIỆN HỘ NGHÈO, MỒ CÔI NĂM HỌC 2024-2025

(Đính kèm Quyết Định số...410../QĐ-THCSPB ngày 11.. tháng 9....năm 2025)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Họ và tên chủ hộ	Mã số xác nhận	Họ tên học sinh	Lớp	Trường	Học kỳ I (Từ tháng 9/2024 đến 12/2024)			Học kỳ II (Từ tháng 1/2025 đến 05/2025)			Tổng cộng	Ghi chú
						Số tháng	Định mức 1 tháng	Số tiền	Số tháng	Định mức 1 tháng	Số tiền		
1	Phạm Thị Thảo	Diện mồ côi cha mẹ	Nguyễn Huỳnh Trà My	6/7	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Mồ côi
2	Bùi Thị Mỹ Phương	Diện mồ côi cha mẹ	Phan Gia Hân	7/12	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Mồ côi
3	Lê Minh Đức	Diện mồ côi cha mẹ	Lê Song Ngân	9/7	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Mồ côi
4	Lê Thị Mộng Đời	26863060202HN	Lê Ngọc Hân	7/9	THCS Phước Bình	4	150	600				600	Hộ nghèo
5	Lê Thị Mộng Đời	26863060202HN	Lê Thị Ngọc Huyền	6/9	THCS Phước Bình	4	150	600				600	Hộ nghèo
6	Hoàng Văn Sơn	26863.000098 06/01/2023 Bùi Thu Trâm	Hoàng Bảo Anh	6,8	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
7	Nguyễn Văn Nhựt	26848.000069 15/04/2021 Trần Văn Mau	Nguyễn Nhựt Vy	6,9	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
8	TRẦN THỊ BÍCH HUỆ	26848.000066 01/03/2021 Trần Văn Mau	Vũ Đức Trí	6/11	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
9	Hồ Ngọc Sang	67/0209 04/09/2020 Lê Văn Lý Em	Hồ Huỳnh Mỹ	6,13	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
10	Lê Anh Ngọc	08/HCM/TĐ/397 24/03/2021 Trần Quốc Hưng	Lê Nguyễn Quỳnh Giang	6,14	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập (tháng 12/2023)
11	Trần Vương Quân	08/HCM/Q9/258 07/01/2019 Cao Đoàn Ngọc Thủy	Trần Phạm Thiên Vân	7,8	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
12	Nguyễn Châu Trinh	26863.0000119 07/12/2023 Bùi Thu Trâm	Nguyễn Trần Ngọc Trân	7,9	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
13	Nguyễn Xuân Hiền	26863.0000120 03/04/2024 Bùi Thu Trâm	Nguyễn Vương Minh Quân	7,9	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
14	Ngô Hoàng Phú Cường	26863.000094 19/12/2022 Bùi Thu Trâm	Ngô Đức Vĩ	7,11	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập (tháng 12/2023)
15	Huỳnh Quốc Bảo	26848.000041 14/12/2023 Trần Văn Mau	Huỳnh Nhật Minh Tuệ	7,11	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập

16	Trần Bá Hoàng Minh	08/HCM/PN/126 05/06/2017 Nguyễn Thị Thanh Phương	Trần Hoàng Khang	7,12	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
17	Bạch Tấn Hải	26848.000005 10/02/2023 Trần Văn Mau	Bạch Lê Gia Huy	7,12	THCS Phước Bình	4	0	0	5	150	750	750	Học sinh hòa nhập (tháng 04/2024)
18	Phan Ngọc Hiếu	26863.000092 12/12/2022 Bùi Thu Trâm	Phan Trung Kiên	7,13	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
19	Nguyễn Hữu Khánh	26848.000007 29/03/2023 Trần Văn Mau	Nguyễn Đức Bảo	7,13	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
20	Hà Minh Đức	26863.000104 28/02/2023 Bùi Thu Trâm	Hà Phi Long	7,14	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
21	Phan Xuân Chính	08/HCM/TĐ/339 20/02/2019 Trần Quốc Hưng	Phan Nguyễn Minh Quân	7,15	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
22	Vũ Tấn Tài	26863.0000140 26/08/2024 Bùi Thu Trâm	Vũ Trần Trung Kiên	7,15	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
23	Trần Vương Quân	26596.0000.2222 05/05/2021 Lê Văn Quang	Trần Phạm Nguyên Đức	8,5	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
24	Trần Đăng Duy	26863.000076 31/08/2022 Bùi Thu Trâm	Trần Đình Phú	8,6	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
25	Chung Thái Sơn	26863.000083 15/11/2022 Bùi Thu Trâm	Chung Nguyễn Hải Anh	8,7	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
26	Nguyễn Quang Bằng	26863.000081 04/11/2022 Bùi Thu Trâm	Nguyễn Quang Minh	8,8	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
27	Trịnh Công Bằng	26863.000101 30/01/2023 Bùi Thu Trâm	Trịnh Công Đức	8,9	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
28	Kiều Hoàng Châu	26848.000123 02/12/2022 Trần Văn Mau	Kiều Thị Yến Vy	8.10	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
29	Lưu Ngọc Quan	26863.000082 04/11/2022 Bùi Thu Trâm	Lưu Nguyễn Thành Công	8,11	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
30	Shim Kyoung Bo	26866.000052 13/12/2022 Thượng Thị Ngọc Anh	Shim Chấn Hưng	8,12	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
31	Bùi Hữu Phúc	26863.000061 28/03/2021 Bùi Thu Trâm	Bùi Phúc Đăng Tâm	9,5	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
32	Hồ Văn Lợi	26863.000103 28/02/2023 Bùi Thu Trâm	Hồ Võ Yến Nhi	9,6	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
33	Trần Đình Kỳ	08/HCM/BTH/112 12/04/2017 Nguyễn Đình Chiến	Trần Nguyễn Anh Thy	9,7	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập

34	Nguyễn Ngọc Thanh Long	26848.000084 10/01/2022 Trần Văn Mau	Nguyễn Đăng Khang	9,8	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
35	Lê Quang Tâm	26863.000064 07/04/2022 Bùi Thu Trâm	Lê Hữu Tài	9.9	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
36	Lê Hữu An	08/HCM/Q9/194 20/12/2017 Cao Đoàn Ngọc Thủy	Lê Quỳnh Anh	9.10	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
37	Nguyễn Văn Vinh	26863.0000154 28/02/2025 Nguyễn Khắc Điệp	Nguyễn Nhất Nam	6/13	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
38	Nguyễn Văn Độ	26848.000014 06/03/2025 Nguyễn Ngọc Tuyết	Nguyễn Văn Luận	8/6	THCS Phước Bình	4	150	600	5	150	750	1.350	Học sinh hòa nhập
Tổng cộng								**22.200**			**27.000**	**49.200**	

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi chín ngàn, hai trăm đồng

Ngày ..... tháng ..... năm 2025

NGƯỜI LẬP

TRẦN THỊ HIỀN

HIỆU TRƯỞNG

THÁI VĂN TRANG